

ĐỀ SỐ 1

MÔN TIẾNG ANH Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

1. How old is Peter?

- A. 10 years old B. 11 years old C. 12 years old

2. What is Peter like?

- A. He is very active. B. He is very lazy. C. He is very quiet.

3. What sport does he like playing best?

- A. Basketball B. Badminton C. Football

4. Where does he usually go on weekends?

- A. To the cinema B. To the park C. To the swimming pool

Câu II. Hãy nghe cuộc hội thoại và xác định những câu dưới là ĐÚNG (True) hoặc SAI (False) bằng cách Tick vào cột tương ứng. Bạn sẽ nghe cuộc hội thoại 2 lần. (1 điểm)

No	Statements	True	False
1	Tom's new school is small.		
2	There are 20 classrooms in his school.		
3	The school library is on the first floor.		
4	Tom's favorite subject is English.		

Câu III. Khoanh tròn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1,0 điểm)

- | | | | |
|---------------|-----------|------------|-------------|
| 1. A. pens | B. books | C. maps | D. hats |
| 2. A. wash | B. watch | C. make | D. want |
| 3. A. cleaned | B. played | C. watched | D. listened |
| 4. A. think | B. there | C. that | D. this |

Câu IV. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau. (3.0 điểm)

- My birthday is _____ May.
A. on B. in C. at D. to
- I have _____ umbrella in my bag.
A. a B. an C. the D. some
- Look! The birds _____ happily in the trees.
A. sing B. is singing C. are singing D. sings
- She is a _____. She works in a big hospital in the city.
A. teacher B. farmer C. worker D. nurse
- What does this sign say? (*Biển báo: Chữ P bị gạch chéo*)
A. You can park here. B. You can't park here.
C. You can't turn left. D. You can turn right.
- Could you give me _____ water, please? I'm thirsty.
A. some B. any C. many D. a
- A city is usually _____ than a village.
A. noisy B. noisier C. more noisy D. most noisy
- Mary is my best friend. I often play badminton with _____ after school.
A. her B. she C. hers D. him
- We usually start our lessons at _____ in the morning.

- A. fifteen past seven B. seven past fifteen
C. a quarter to seven D. half to seven

10. It was raining heavily, _____ we stayed at home and watched TV.

- A. because B. but C. so D. and

11. You _____ finish your homework before going to bed.

- A. can B. may C. must D. shouldn't

12. I often read books and study quietly in the _____.

- A. gym B. library C. cafeteria D. playground

Câu V. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

Hello, I am Hoa. I live in Hanoi, but my hometown is in Nam Dinh. Last weekend, my family went (1) _____ to Nam Dinh to visit my grandparents. We travelled by (2) _____. It took us about two hours. The weather was fine and sunny. My grandparents were very happy to see us. My grandmother cooked a lot of delicious (3) _____ for lunch. In the afternoon, I flew a kite with my cousins in the field. I had a really (4) _____ time there and I hope to visit them again soon.

1. A. back B. to C. on D. at
2. A. foot B. car C. cars D. a car
3. A. food B. foods C. drink D. drinks
4. A. bad B. boring C. great D. sad

Câu VI. Đọc đoạn văn sau đây và chọn đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau. (1 điểm)

My name is David. I am in grade 6. I am a member of the school's Green Club. We meet every Friday afternoon. Our club has 20 members. We do many things to protect the environment. We plant trees in the school garden and pick up rubbish in the playground. We also put recycling bins in every classroom. We collect old paper and plastic bottles to recycle. Next month, we are going to visit a recycling factory. I love my club because it helps make our school beautiful and clean.

Questions:

1. What grade is David in?

A. Grade 5 B. Grade 6 C. Grade 7 D. Grade 8

2. How often does the Green Club meet?

A. Every Monday morning B. Every Friday afternoon
C. Every weekend D. Every day

3. What do the club members put in every classroom?

A. Old paper B. Plastic bottles
C. Rubbish D. Recycling bins

4. Why does David love his club?

A. Because he can play games there.
B. Because it helps make the school beautiful and clean.
C. Because he likes visiting factories.
D. Because the club has 20 members.

Câu VII. Viết lại câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. My house is in front of the tall trees.

=> The tall trees are

2. Lan walks to school every day.

=> Lan goes

3. No one in my class is taller than Minh.

=> Minh is

4. Why don't we go to the beach this weekend?

=> What about

Câu VIII. Dùng từ gợi ý, hãy viết hoàn chỉnh các câu dưới đây. (1.0 điểm)

1. What / your / favorite / subject ?

=>

2. My / father / often / watch / TV / evening.

=>

3. How / much / milk / you / want ?

=>

4. They / play / soccer / schoolyard / moment.

=>

ĐỀ SỐ 2

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

1. Where did Anna go last weekend?

A. To the beach

B. To the countryside

C. To the mountains

2. Who did she go with?

A. Her grandparents

B. Her parents

C. Her friends

3. What was the weather like during her trip?

A. It was sunny and hot.

B. It was rainy and cold.

C. It was cloudy and windy.

4. How did Anna feel after the trip?

A. She felt bored.

B. She felt exhausted.

C. She felt tired but happy.

Câu II. Hãy nghe cuộc hội thoại và xác định những câu dưới là ĐÚNG (True) hoặc SAI (False) bằng cách Tick vào cột tương ứng. Bạn sẽ nghe cuộc hội thoại 2 lần. (1 điểm)

No	Statements	True	False
1	The students are doing a project about sea animals.		
2	They have to submit (nộp) the project next Monday.		
3	They are working in a group of four.		
4	They decide to draw a big poster for their presentation.		

Câu III. Khoanh tròn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. beach B. meat C. great D. read
2. A. watched B. looked C. stopped D. played
3. A. wild B. children C. mind D. drive
4. A. chemistry B. school C. mechanic D. children

Câu IV. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau. (3.0 điểm)

1. There is _____ orange juice left in the fridge. Would you like some?
A. a few B. many C. a little D. any
2. My older brother _____ his homework yet. He is still writing in his room.
A. hasn't finished B. didn't finish
C. doesn't finish D. isn't finishing
3. The dictionary is _____ the lamp and the pencil case.
A. next to B. between C. among D. in front of
4. A good student always _____ attention to what the teacher says in class.
A. does B. gives C. makes D. pays

5. What does this traffic sign mean? (*Biển báo: Hình tròn viền đỏ, nền trắng, ghi số 40*)
- A. You must drive faster than 40 km/h.
B. You must not drive over 40 km/h.
C. You can park here for 40 minutes.
D. You are 40 kilometers away from the city.
6. He was very tired last night, _____ he tried to finish his English assignment.
- A. so B. because C. but D. or
7. This math puzzle is _____ than the one we did yesterday.
- A. much difficult B. more difficult
C. most difficult D. difficult
8. You _____ cross the street when the traffic light turns red. It's very dangerous.
- A. should B. need C. must D. mustn't
9. These interesting books are mine, and those on the desk are _____.
- A. yours B. your C. you D. yourself
10. " _____ is it from your house to the city museum?" - "It's about 5 kilometers."
- A. How long B. How often C. How far D. How much
11. Do you enjoy _____ science fiction movies in your free time?
- A. watch B. watched C. to watch D. watching
12. "Would you like to go to the cinema with me this Saturday?" - " _____ "
- A. Yes, I do. B. I'd love to. C. No, I wouldn't. D. Yes, please.

Câu V. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

We can do many simple things to save the Earth. First, we should (1) _____ the amount of plastic bags we use. Instead, we can bring reusable cloth bags when we go to the supermarket. Second, try to save water by turning (2) _____ the tap when you are brushing your teeth. Third, we shouldn't throw (3) _____ into the rivers or on the streets. If everyone (4) _____ hands to protect the environment, our world will definitely be a better and cleaner place.

- | | | | |
|--------------|------------|----------|-----------|
| 1. A. reduce | B. recycle | C. reuse | D. return |
| 2. A. on | B. up | C. off | D. down |
| 3. A. trash | B. money | C. trees | D. energy |
| 4. A. makes | B. takes | C. does | D. joins |

Câu VI. Đọc đoạn văn sau đây và chọn đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau. (1 điểm)

London is the capital city of the UK. It is located on the River Thames. Millions of visitors come to London every year because it has many famous landmarks. One of the most popular places is the British Museum, where you can see interesting historical objects from all over the world. Another famous place is the London Eye, a giant Ferris wheel that gives you a **fantastic** view of the whole city. London is also famous for its red double-decker buses and black taxis. Although the weather in London is often rainy and cloudy, people still love visiting this beautiful and historic city.

Questions:

- Why do millions of people visit London every year?
 - Because it is located on the River Thames.
 - Because it has lots of famous landmarks.
 - Because of its rainy and cloudy weather.
 - Because they want to take a black taxi.
- What can visitors do at the British Museum?
 - They can ride a giant Ferris wheel.
 - They can see interesting historical objects.
 - They can buy red double-decker buses.
 - They can enjoy a view of the whole city.

3. The word "**fantastic**" in the passage is closest in meaning to _____.
- A. terrible B. boring C. wonderful D. normal
4. Which of the following is **NOT** true about London?
- A. It has red double-decker buses.
- B. It is located on the River Thames.
- C. It is a beautiful and historic city.
- D. The weather is always sunny and hot.

Câu VII. Viết lại câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. No other ocean in the world is larger than the Pacific Ocean.
=> The Pacific Ocean is the
2. It takes my mother one hour to cook dinner every evening.
=> My mother spends
3. Hurry up, or you will miss the school bus!
=> If you don't
4. I started learning English three years ago.
=> I have

Câu VIII. Dùng từ gợi ý, hãy viết hoàn chỉnh các câu dưới đây. (1.0 điểm)

1. Although / it / rain / heavily, / we / go / school / time / yesterday.
=>
2. It / be / necessary / us / learn / English / nowadays.
=>
3. How / much / time / you / spend / do / homework / everyday?
=>
4. My / brother / be / very / interested / read / science books.

=>

ĐỀ SỐ 3

MÔN TIẾNG ANH Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

1. Where did Sarah go on Saturday?

- A. To the zoo B. To the museum C. To the park

2. What did she see there?

- A. Dinosaur skeletons B. Beautiful paintings C. Wild animals

3. What did she eat for lunch?

- A. Pizza B. Chicken C. Sandwiches

4. How was the weather on that day?

- A. It was sunny. B. It was rainy. C. It was cloudy.

Câu II. Hãy nghe cuộc hội thoại và xác định những câu dưới là ĐÚNG (True) hoặc SAI (False) bằng cách Tick vào cột tương ứng. Bạn sẽ nghe cuộc hội thoại 2 lần. (1 điểm)

No	Statements	True	False
1	Mark's favorite sport is basketball.		
2	Mark plays his favorite sport three times a week.		
3	Mark's brother is very good at swimming.		
4	They usually go to the sports center on Sunday mornings.		

Câu III. Khoanh tròn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1,0 điểm)

- | | | | |
|--------------|-----------|-----------|------------|
| 1. A. books | B. maps | C. dogs | D. hats |
| 2. A. come | B. mother | C. some | D. open |
| 3. A. worked | B. needed | C. wanted | D. visited |
| 4. A. thin | B. they | C. thick | D. theater |

Câu IV. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau. (3.0 điểm)

- Let's meet in front of the cinema _____ 7 o'clock this evening.
A. on B. in C. at D. from
- My father works in a big hospital. He is _____ excellent doctor.
A. a B. an C. the D. some
- Look at those dark clouds! It _____ soon.
A. rain B. rained C. is raining D. is going to rain
- If you want to buy some fresh meat and vegetables, you should go to the _____.
A. post office B. pharmacy C. market D. library
- What does this sign say? (*Biển báo: Hình tròn viền đỏ có chiếc kèn/còi bị gạch chéo*)
A. You can park here.
B. You must not honk your horn here.
C. You can listen to music here.
D. You must not turn left.
- "_____ bananas do you need to make the cake, Mom?" - "Just three."
A. How much B. How many C. How often D. How long
- The cheetah (báo đốm) is the _____ animal on land.
A. fast B. faster C. fastest D. most fast

8. This red bicycle is mine, and that blue one is _____.
- A. his B. him C. he D. himself
9. The time is 8:45. It means it is _____.
- A. a quarter past eight B. a quarter to nine
- C. forty-five past eight D. nine to a quarter
10. I would like to go to the party, _____ I have a lot of homework to finish tonight.
- A. so B. and C. because D. but
11. You _____ brush your teeth twice a day to keep them healthy.
- A. shouldn't B. should C. mustn't D. can't
12. "Thank you so much for helping me with the project." - " _____ "
- A. You're welcome. B. I'd love to.
- C. Me too. D. I'm sorry.

Câu V. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

Tet is the most (1) _____ festival in Vietnam. It usually happens in late January or early February. Before Tet, people often clean and decorate their houses. They buy lots of flowers, especially peach blossoms (hoa đào) and apricot blossoms (hoa mai). During Tet, children usually get (2) _____ money in red envelopes from their parents and relatives. Families gather to have big meals with traditional (3) _____ like Banh Chung and boiled chicken. People also visit their friends and go to pagodas to pray for a happy new year. I love Tet because I can (4) _____ beautiful fireworks and spend time with my family.

- | | | | |
|--------------|--------------|-------------|---------------|
| 1. A. boring | B. important | C. terrible | D. difficult |
| 2. A. lucky | B. new | C. old | D. bad |
| 3. A. drinks | B. fruit | C. food | D. vegetables |
| 4. A. listen | B. read | C. hear | D. watch |

Câu VI. Đọc đoạn văn sau đây và chọn đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau. (1 điểm)

Dear Peter,

I am writing to tell you about my new school. Its name is Sunrise Middle School. It is a big school with three floors and a large playground. School starts at 7:30 a.m. and finishes at 4:30 p.m. We study many subjects like Math, Literature, English, and Science. My favorite subject is Science because we do a lot of interesting experiments. At break time, I often play basketball with my friends in the schoolyard. I live quite near the school, so I walk to school every morning. What about you? Please write back soon.

Best wishes,

Minh.

Questions:

1. What time does Minh's school finish?
A. At 7:30 a.m. B. At 4:30 p.m.
C. At 7:30 p.m. D. At 4:30 a.m.
2. Why does Minh like Science best?
A. Because he likes reading books.
B. Because it is an easy subject.
C. Because he does interesting experiments.
D. Because the teacher is funny.
3. What does Minh do at break time?
A. He plays football.
B. He plays basketball.
C. He does experiments.
D. He walks home.
4. How does Minh go to school?
A. By bus B. By bike C. By car D. On foot

Câu VII. Viết lại câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. My school has 500 students.
=> There are
2. The black car is cheaper than the red car.
=> The red car is

3. Let's play chess this afternoon!

=> Why don't we

4. I like English best.

=> My favorite

Câu VIII. Dùng từ gợi ý, hãy viết hoàn chỉnh các câu dưới đây. (1.0 điểm)

1. He / usually / play / tennis / weekends.

=>

2. What / time / you / go / bed / last night?

=>

3. Next summer, / my family / visit / Ha Long Bay.

=>

4. There / be / a / book / and / two / pens / on / table.

=>

ĐỀ SỐ 4

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

1. What's the matter with Tom?

A. He has a headache. B. He has a toothache. C. He has a stomachache.

2. What did Tom eat yesterday?

A. Too much fast food B. Too many candies C. Too much ice cream

3. What does the doctor say Tom should do now?

A. Drink warm water B. Take some medicine C. Go to sleep

4. When should Tom come back to see the doctor?

A. Tomorrow B. In two days C. Next week